

VIỆN KINH TẾ XÂY DỰNG - BỘ XÂY DỰNG
PHÂN VIỆN KINH TẾ XÂY DỰNG MIỀN NAM

**ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI
NĂM 2021**

(Theo hướng dẫn tại Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng V/v: Hướng dẫn hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình)

CHỦ ĐẦU TƯ

SỞ XÂY DỰNG TỈNH ĐỒNG NAI

PHÓ GIÁM ĐỐC



Đỗ Thành Phương

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

PHÂN VIỆN KINH TẾ XÂY DỰNG
MIỀN NAM



**GIÁM ĐỐC
TRẦN MẠNH HÀ**

TP. HỒ CHÍ MINH – NĂM 2021

THUYẾT MINH TÍNH TOÁN
CHUYỂN ĐỔI ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG NĂM 2021
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

I. Cơ sở, căn cứ chuyển đổi đơn giá nhân công xây dựng.

- Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông tư 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;
- Quyết định 244/QĐ-SXD ngày 17/12/2020 của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai về việc công bố giá nhân công xây dựng quý IV năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

II. Phương pháp chuyển đổi đơn giá nhân công xây dựng.

Căn cứ vào Điều 3 Mục I Phụ lục IV Thông tư 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng việc chuyển đổi đơn giá nhân công xây dựng thực hiện như sau:

"Việc chuyển đổi đơn giá nhân công xây dựng của địa phương đã công bố trước thời điểm có hiệu lực của Thông tư này sang đơn giá nhân công xác định theo nhóm nhân công xây dựng quy định tại Phụ lục này như sau:

1. Đơn giá nhân công của nhóm I: giữ nguyên đơn giá nhân công nhóm I đã công bố.
2. Đơn giá nhân công của nhóm II: xác định bằng bình quân số học của đơn giá nhân công các nhóm 2, 3, 4, 5 và 11 đã công bố.
3. Đơn giá nhân công của nhóm III: xác định bằng đơn giá nhân công nhóm 6 đã công bố.
4. Đơn giá nhân công của nhóm IV: xác định bằng bình quân số học đơn giá nhân công các nhóm 7, 8, 9 và 10 đã công bố.
5. Đơn giá nhân công của các nhóm nhân công thuộc nhóm nhân công khác (gồm: vận hành tàu, thuyền, thợ lặn, kỹ sư, nghệ nhân): xác định bằng đơn giá nhân công tương ứng đã công bố".

III. Nội dung chuyển đổi đơn giá nhân công xây dựng.

Việc chuyển đổi đơn giá nhân công xây dựng năm 2021 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai phải đảm bảo tính toán theo đúng hướng dẫn tại Điều 3 Mục I Phụ lục IV Thông tư 13/2021/TT-BXD và nằm trong Khung đơn giá nhân công xây dựng bình quân tại Bảng 4.2 Phụ lục IV Thông tư 13/2021/TT-BXD của Bộ Xây dựng công bố.

a) Trong quá trình chuyển đổi nếu giá trị nhân công sau khi chuyển đổi nằm trong khung đơn giá nhân công xây dựng bình quân tại Bảng 4.2 thì giữ nguyên kết quả tính toán.

b) Trong quá trình chuyển đổi nếu giá trị nhân công sau khi chuyển đổi nằm ngoài khung đơn giá nhân công xây dựng bình quân tại Bảng 4.2 thì xử lý theo nguyên tắc sau:

+ Nếu giá trị nhân công xây dựng sau chuyển đổi nhỏ hơn mức Min trong khung đơn giá nhân công xây dựng bình quân tại Bảng 4.2 thì lấy bằng mức Min của khung đơn giá tại Bảng 4.2.

+ Nếu giá trị nhân công xây dựng sau chuyển đổi lớn hơn mức Max trong khung đơn giá nhân công xây dựng bình quân tại Bảng 4.2 thì lấy bằng mức Max của khung đơn giá tại Bảng 4.2.

Bảng 4.2: Khung đơn giá nhân công xây dựng bình quân

Stt	Nhóm nhân công xây dựng	Vùng I	Vùng II	Vùng III	Vùng IV
1	Nhóm nhân công xây dựng				
	Nhóm I, II, III, IV	213.000 ÷ 336.000	195.000 ÷ 312.000	180.000 ÷ 295.000	172.000 ÷ 284.000
2	Nhóm công tác khác				
2.1	Vận hành tàu, thuyền	348.000 ÷ 520.000	319.000 ÷ 477.000	296.000 ÷ 443.000	280.000 ÷ 422.000
2.2	Thợ lặn	620.000 ÷ 680.000	570.000 ÷ 628.000	534.000 ÷ 587.000	509.000 ÷ 562.000
2.3	Kỹ sư	245.000 ÷ 350.000	225.000 ÷ 325.000	207.000 ÷ 308.000	198.000 ÷ 296.000
2.4	Nghệ nhân	590.000 ÷ 620.000	540.000 ÷ 568.000	504.000 ÷ 527.000	479.000 ÷ 502.000

IV. Kết quả chuyển đổi đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Căn cứ theo Nghị định 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính Phủ Quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động. Tỉnh Đồng Nai có 03 vùng lương:

+ Vùng I gồm: thành phố Biên Hòa, thành phố Long Khánh, các huyện Nhơn Trạch, Long Thành, Vĩnh Cửu, Trảng Bom

+ Vùng II gồm: Các huyện Định Quán, Xuân Lộc, Thống Nhất

+ Vùng III gồm: Các huyện còn lại.



**ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG NĂM 2021
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI**

Đơn vị tính: đồng

STT	Nhóm	Đơn giá nhân công xây dựng bình quân theo khu vực		
		VÙNG I	VÙNG II	VÙNG III
I	Công nhân xây dựng trực tiếp			
1.1	Nhóm I	230.849	212.996	196.668
1.2	Nhóm II	246.138	226.501	210.727
1.3	Nhóm III	252.325	231.757	216.570
1.4	Nhóm IV	264.806	244.404	229.467
II	Nhóm nhân công khác			
2.1	Vận hành tàu thuyền			
	+ Thuyền trưởng, thuyền phó	440.317	403.769	374.879
	+ Thủy thủ, thợ máy, thợ điện	348.000	319.000	296.000
	+ Máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuộc I, kỹ thuật viên cuộc II tàu sông	371.715	340.862	316.472
2.2	Thợ lặn	620.000	570.000	534.000
2.3	Kỹ sư khảo sát, thí nghiệm, kỹ sư trực tiếp	280.000	260.000	246.000
2.4	Nghệ nhân	620.000	568.000	527.000

Nhóm nhân công xây dựng và nhóm nhân công khác được quy định tại Bảng 4.1, Phụ lục số IV, Thông tư 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng.

Đơn giá nhân công xây dựng tại bảng trên được công bố theo cấp bậc bình quân quy định tại Bảng 4.3, Phụ lục số IV, Thông tư 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng.